

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Đợt 2 tháng 04

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 25 – 26/04/2023

Ngày cung cấp TT: 27/04/2023

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công mở.
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng.
3	3	Công Cốc Thành	Công mở hé.
4	4	Công sông Chanh	Công mở.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cỏ Đam	Công đóng.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công mở.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Công mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Như Trác.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như B1 và B2:
Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy).

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Cổng Sông Chanh, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Đầu kênh CG 16, Đầu kênh S48, Cầu Chủ (sông Châu Giang).**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên:

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		0.9	15		
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h.	7.65	23.2	7.06	0.1	0.101	0.612	205	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn A1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
		Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Dòng chảy chậm, cống mở lấy nước vào. Trạm bơm đang bơm lấy nước tưới. Nước màu nâu đục.								
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió NĐN 13 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm đang bơm lấy nước từ sông Châu Giang lên. Nước màu xanh lục.	7.29	15.3	5.68	0.1	0.078	0.524	240	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn A2 cho phép
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió Đông 20 km/h. Dòng chảy nhanh vào bể	7.54	33.2	7.1	0.2	0.124	3.825	256	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn A2 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2015 A1</i>	6 – 8.5		6		0.3	2		
			<i>QCVN 08:2015 A2</i>	6 – 8.5		5		0.3	5		
			<i>QCVN 08:2015 B1</i>	5.5 – 9		4		0.9	10		
			<i>QCVN 08:2015 B2</i>	5.5 – 9		2		0.9	15		
			hút. Công mở hé lấy nước từ sông Đào vào. Trạm bơm đang bơm lấy nước tưới. Nước màu nâu đục.								
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở đang tiêu nước ra sông, trạm bơm không hoạt động, mực nước trung bình. Nước màu vàng lục.	7.11	35.7	4.81	0.2	0.062	4.500	302	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 91%, mật độ mây 100%, gió BTB 19 km/h. Không có dòng	7.27	18.4	4.92	0.4	0.078	6.975	560	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
		Thanh Liêm và phân phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mực nước trong kênh cao. Nước màu vàng lục.								
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 100%, gió Bắc 19 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.2	25.8	4.63	0.4	0.101	6.750	522	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
7	Cống Cồ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cồ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió BTB 19 km/h. Không có dòng chảy, cống	7.08	26.4	4.59	0.4	0.117	6.300	430	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
			đóng. Trạm bơm đang hoạt động, bơm nước từ kênh tiêu lên tưới. Nước màu vàng lục.								
8	Công Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Dòng chảy nhanh, mực nước trung bình. Cổng mở tiêu nước ra sông, trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.04	36.2	4.1	0.3	0.148	0.459	449	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió Đông 20 km/h. Dòng chảy nhanh hướng về phía Cốc Thành.	7.08	32.6	4.54	0.3	0.062	4.500	422	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
		dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Mức nước trung bình. Nước màu nâu đục.								
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Dòng chảy chậm, hướng ra ngã ba sông Chanh. Mức nước trung bình. Nước màu vàng lục.	6.91	73.6	4.8	0.3	0.078	4.140	436	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Dòng chảy nhanh về hướng Vĩnh Trị. Mức nước trung bình. Nước màu xanh lục.	7.04	30.3	4.5	0.3	0.078	0.477	424	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 100%, gió Nam 10 km/h. Không có dòng chảy. Đập đóng, mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	6.99	29.9	4.28	0.2	0.117	0.491	337	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 100%, gió NĐN 13 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Châu Giang, công mở. Mực nước thấp. Nước màu vàng lục.	7.1	35.2	3.76	0.4	0.303	0.455	607	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B2 cho phép
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 73%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h.	7.14	21.1	4.53	0.1	0.070	0.578	238	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		0.3	2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		0.3	5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		0.9	10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		0.9	15		
		Lộc.	Dòng chảy chậm ề hướng vào nội đồng, mực nước trung bình. Trên kênh tưới trạm bơm Hữu Bị đang bơm lấy nước. Nước màu xanh lục.								phép
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra Vĩnh Trị, mực nước thấp. Trên kênh có nhiều rác thải. Nước màu xanh lục.	7.17	18.1	3.18	0.4	0.179	1.710	567	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B2 cho phép
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Không có dòng	6.92	15.9	5.19	0.2	0.210	0.464	359	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn A2 cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			<i>QCVN 08:2015 A1</i>	6 – 8.5		6		0.3	2		
			<i>QCVN 08:2015 A2</i>	6 – 8.5		5		0.3	5		
			<i>QCVN 08:2015 B1</i>	5.5 – 9		4		0.9	10		
			<i>QCVN 08:2015 B2</i>	5.5 – 9		2		0.9	15		
			chảy. Đập đóng. Mục nước trung bình. Nước màu xanh lục.								
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 100%, gió Nam 10 km/h. Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị. Mục nước trung bình. Nước màu xanh lục.	6.96	23.5	3.2	0.2	0.117	0.533	344	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B2 cho phép
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió BTB 19 km/h. Dòng chảy chậm về phía Cỏ Đam. Mục nước trung bình. Nước màu vàng lục.	7.18	49.8	5.36	0.4	0.085	4.950	496	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn A2 cho phép
19	Đầu kênh	Đánh giá nhanh chất	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C,	7.19	53.7	4.7	0.6	0.085	0.603	782	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>				6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>				6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>				5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>				5.5 – 9		2		0.9	15		
	C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió NĐN 12 km/h. Dòng chảy chậm hướng ra ngã ba Sông Chanh, mực nước trung bình. Nước màu vàng lục.								Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn A2 cho phép
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 100%, gió BTB 7 km/h. Dòng chảy chậm từ ngã ba sông Tiên Hương vào. Mực nước trung bình. Nước màu xanh lục.	6.83	37.7	4.02	0.3	0.085	0.491	402	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường đạt giới hạn B1 cho phép

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2023

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI